

MỘT SỐ SUY NGHĨ VỀ GIẢI PHÁP KẾT HỢP TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VỚI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

MAI THỊ HỒNG HÀ (*)

Trong những năm vừa qua, nhờ có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và liên tục mà diện mạo của đất nước đã có nhiều thay đổi, đời sống của nhân dân không ngừng được nâng cao cả về vật chất và tinh thần. Nhưng cùng với tăng trưởng kinh tế nhanh là sự gia tăng ô nhiễm, cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên, suy giảm đa dạng sinh học. Vấn đề đặt ra đối với nước ta lúc này là làm thế nào để kết hợp tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường hướng tới sự phát triển bền vững.

Thành tựu kết hợp tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường

Thứ nhất, kết hợp tăng trưởng kinh tế với tăng đầu tư cho bảo vệ môi trường. Trong những năm qua, nhờ có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao mà đầu tư cho bảo vệ môi trường bước đầu đã có những chuyển biến tích cực. Bắt đầu từ năm 2006, ngân sách cho bảo vệ môi trường đã được bố trí thành một nguồn riêng với quy mô không thấp hơn 1% tổng chi ngân sách nhà nước. Trong giai đoạn 2006-2011, vốn đầu tư phát triển trong lĩnh vực bảo vệ môi trường đã tăng khoảng 2 lần, từ 1.429 tỷ đồng năm 2006 lên 2.954 tỷ đồng vào năm 2011⁽¹⁾.

Thứ hai, kết hợp tăng trưởng kinh tế với kiểm soát ô nhiễm và quản lý chất thải. Các hoạt động kinh tế luôn để lại đằng sau nó ô nhiễm và chất thải. Nhờ tăng trưởng kinh tế nhanh mà công tác kiểm soát ô nhiễm môi trường ngày càng được quan tâm. Việc xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đã đạt được những kết quả bước đầu. Đến đầu năm 2011, trong tổng số 439 cơ sở gây ô nhiễm nghiêm trọng phải

hoàn thành việc xử lý triệt để trong giai đoạn 1 theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, đã có 338 cơ sở không còn gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đạt 77%, còn 101 cơ sở đang triển khai xử lý ô nhiễm triệt để chiếm 23%⁽²⁾. Hoạt động thu gom, quản lý chất thải cũng đạt được những kết quả khích lệ đưa tỷ lệ thu gom rác trung bình ở các đô thị trên địa bàn toàn quốc từ 65% năm 2003 tăng lên 83 – 85%, năm 2010⁽³⁾. Điển hình như ở Tp. Hồ Chí Minh với dân số gần 8 triệu người mỗi ngày thải ra khoảng 7.000 đến 7.500 tấn chất thải rắn đô thị, trong đó thu gom được khoảng 5.900 đến 6.200 tấn, trong đó tái chế, tái sinh khoảng 900 đến 1.200 tấn⁽⁴⁾.

Thứ ba, kết hợp tăng trưởng kinh tế với phục hồi, cải thiện chất lượng môi trường. Nhờ áp dụng công nghệ sản xuất sạch hơn, công nghệ kiểm soát phát thải hiện đại và sử dụng năng lượng hiệu quả của nhiều cơ sở, nhà máy lớn đã góp phần làm giảm ô nhiễm không khí ở các đô thị và khu công nghiệp. Chất lượng môi trường cũng được cải thiện nhờ diện tích rừng ngày càng được mở rộng. Năm 1995 là khoảng 9.3 triệu ha, năm 2002 tăng lên 11.5 triệu ha, năm 2005 là 12.3 triệu ha, năm 2007 là 12.73 triệu ha chiếm 38.4%, và năm 2009 đến 40%.

Thứ tư, kết hợp tăng trưởng kinh tế với bảo tồn đa dạng sinh học. Hệ thống khu bảo tồn thiên nhiên, Vườn quốc gia ngày càng được củng cố và phát triển nhờ vào những thành tựu về kinh tế mang lại. Hiện cả nước có 128 khu, chiếm 2,5 triệu ha, tăng 28% so với năm 2000. Ngoài ra, còn rất nhiều hình

(*) Đại học Công nghiệp 4, thành phố Hồ Chí Minh.

(1) Tổng cục thống kê. *Tình hình kinh tế - xã hội Việt Nam mười năm 2001 – 2010*, Nxb Thống kê, Hà Nội, 2011, tr 112.

(2) Bộ Tài nguyên và Môi trường. *Báo cáo môi trường quốc gia năm 2010: Tổng quan môi trường Việt Nam*. Hà Nội, 2010, tr 171.

(3) *Sđđ*, tr 115.

(4) *Sđđ*, tr 110.

thức bảo tồn khác đang được triển khai như rừng phòng hộ đầu nguồn, các rừng giống tự nhiên, bảo tồn trang trại, bảo tồn chuyển chỗ như vườn thực vật, vườn bách thú, trung tâm và trạm cứu hộ động vật, ngân hàng giống, ...

Hạn chế của việc kết hợp tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường

Sự phát triển kinh tế của Việt Nam trong thời gian qua mặc dù rất đáng khích lệ, nhưng lại mang trong mình những hiểm họa về môi trường sinh thái. Do chú trọng vào tăng trưởng kinh tế mà ít chú trọng đến bảo vệ môi trường, đã dẫn đến việc khai thác bừa bãi và sử dụng lãng phí tài nguyên thiên nhiên, gây ra suy thoái môi trường và mất cân bằng các hệ sinh thái.

Thứ nhất, tăng trưởng kinh tế cao nhưng đầu tư cho bảo vệ môi trường chưa tăng tương ứng. Theo Báo cáo Môi trường Quốc gia 2010, mức tăng trưởng GDP năm 2007 đạt cao nhất (8,46%), thấp nhất là năm 2009 (5,32%). Nhưng tỷ lệ tăng chi sự nghiệp môi trường không “xa”, không “cao” như vậy. Năm 2010 chi ngân sách cho môi trường là 6.230 tỷ đồng, so với GDP chỉ đạt xấp xỉ 0,4%. Nhìn sang các nước trong khu vực như các nước ASEAN và Trung Quốc, mức đầu tư cho môi trường bình quân hàng năm chiếm khoảng 1% GDP. Tỷ lệ này ở các nước phát triển thường từ 3 - 4% GDP. Có thể thấy, 1% ngân sách môi trường quả thực không tương xứng với tầm quan trọng của “trụ cột” môi trường trong phát triển bền vững của đất nước và không tương xứng với thực tế tài chính cải thiện của đất nước⁽⁵⁾.

Thứ hai, tăng trưởng kinh tế đi kèm với chất thải và ô nhiễm môi trường sinh thái ngày càng gia tăng. Trên phạm vi toàn quốc, lượng chất thải rắn (CTR) phát sinh trung bình năm 2003 là 16.233.900 tấn, đến năm 2008 tăng lên 27.868.000 tấn. Riêng CTR sinh hoạt đô thị tăng trên 200% từ 6.400.000 tấn (2003) lên 12.802.000 tấn (2008), CTR công nghiệp tăng 181%, và còn tiếp tục gia tăng trong thời gian tới⁽⁶⁾. Đây là

hệ quả tất yếu của hoạt động kinh tế và tốc độ đô thị hóa nhanh chóng trong cả nước. Cùng với CTR, là lượng nước thải cũng ngày càng tăng. Theo ước tính của Trung tâm Công nghệ Môi trường, năm 2009 khu kinh tế trọng điểm phía Nam có lượng nước thải lớn nhất là 413.400m³/ngày; tiếp đó là khu kinh tế trọng điểm Bắc Bộ với lượng nước thải là 155.055m³/ngày⁽⁷⁾. Có thể thấy, lượng chất thải gia tăng gấp nhiều lần tốc độ tăng trưởng kinh tế, tạo ra áp lực lớn cho việc thu gom, xử lý, tái chế chất thải, bảo vệ môi trường.

Thứ ba, tăng trưởng kinh tế còn đi kèm với khai thác cạn kiệt và sử dụng lãng phí tài nguyên môi trường. Việc khai thác bừa bãi và sử dụng lãng phí tài nguyên thiên nhiên như rừng, nước sạch và các nguồn tài nguyên khác đang gây ra tình trạng suy thoái môi trường ngày càng trầm trọng, để lại hậu quả nghiêm trọng cho hiện tại và tương lai. Như cách thức sử dụng đất đai ở nước ta nhìn chung thiếu hiệu quả, gây lãng phí rất lớn. Đối với đất nông nghiệp, năng suất cây trồng của Việt Nam bằng 40% của Đài Loan, khoảng 75 - 80% của Thái Lan, 25% của Mỹ,... Chất lượng nông sản chỉ khoảng 35% là phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế, thấp hơn các nước trong khu vực. Mặt khác, do áp lực của tăng trưởng kinh tế mà quỹ đất trong sản xuất nông nghiệp liên tục bị thu hẹp để chuyển thành đất công nghiệp, xây dựng và giao thông. Nếu tính từ năm 2000 đến 2007, tổng diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi trong cả nước là gần 500.000 ha, chiếm khoảng 5% đất nông nghiệp đang sử dụng⁽⁸⁾. Điều đáng nói là, số đất bị thu hồi đó lại phần nhiều (tới 80%) là đất tốt mà nhân dân ta thường gọi là “bờ xôi, ruộng mật” cho 2 vụ lúa/năm

⁽⁵⁾Xem: PGS.TS Nguyễn Danh Sơn “Một số ý kiến về kinh phí sự nghiệp môi trường trong bảo vệ môi trường ở nước ta”, Tạp chí môi trường tháng 6. 2012.

⁽⁶⁾ Bộ Tài nguyên và Môi trường. Báo cáo môi trường quốc gia năm 2011: Chất thải rắn, Hà Nội, 2011, tr 8.

với kết cấu hạ tầng thủy lợi và giao thông rất tốt. Việc khai thác và sử dụng nước còn nhiều bất cập, gây lãng phí, ô nhiễm và khó kiểm soát. Thực tế hiện nay hầu hết các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên đã và đang khai thác trên 50% lượng dòng chảy của các con sông, trong khi theo khuyến cáo của các tổ chức quốc tế về tài nguyên nước, ngưỡng khai thác được phép giới hạn trong phạm vi 30% lượng dòng chảy⁽⁹⁾.

Xét trên góc độ môi trường, các ngành công nghiệp của Việt Nam hiện nay có chi phí tài nguyên rất cao. Đơn cử như ngành bia, trên thế giới để sản xuất 1 lít bia trung bình sử dụng khoảng 4 lít nước, nhưng ở nước ta là 13 lít nước, tức là cao gấp 3 lần so với thế giới. Hay ngành thép, Nếu ở Nhật Bản điện năng tiêu thụ cho 1 tấn thép thành phẩm chỉ khoảng 350 - 400 kwh, thì ở Việt Nam cần đến 700kwh, gần gấp đôi so với Nhật Bản⁽¹⁰⁾.

Thứ tư, tăng trưởng kinh tế đi kèm với sự suy giảm nghiêm trọng đa dạng sinh học ở nước ta.

Vì lợi ích kinh tế trước mắt mà con người đã khai thác tận diệt các loài động, thực vật, dẫn đến mất cân bằng sinh thái. Khi nền kinh tế Việt Nam bước vào nhóm các nước có thu nhập trung bình của thế giới thì cũng là lúc nước ta nằm trong danh sách các nước có mức độ suy giảm đa dạng sinh học nhanh nhất thế giới. Như nằm trong nhóm 15 nước hàng đầu thế giới về suy giảm số loài thú, nhóm 20 nước về suy giảm số loài chim,... Sách đỏ thế giới năm 2010 liệt kê 47 loài động vật của Việt Nam ở mức nguy

⁽⁷⁾ Bộ Tài nguyên và Môi trường. Báo cáo môi trường quốc gia năm 2010: Tổng quan môi trường Việt Nam, Hà Nội, 2010, tr 67

⁽⁸⁾ Bộ Tài nguyên và Môi trường. Báo cáo môi trường quốc gia năm 2010: Tổng quan môi trường Việt Nam, Hà Nội, 2010, tr 52.

⁽⁹⁾ Sđd. tr 65.

⁽¹⁰⁾ Xem: Hoàng Đức Thân, Đinh Quang Ty. Tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội ở Việt Nam, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010, tr 329.

cấp⁽¹¹⁾.

Như vậy, môi trường của Việt Nam đang bị suy thoái và ô nhiễm nhanh chóng dưới áp lực tăng trưởng bằng mọi giá, tăng trưởng theo kế hoạch đề ra.

Một số giải pháp cơ bản kết hợp tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường

Thực hiện sự phát triển “bình đẳng và cân đối” về tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường sẽ chấm dứt tình trạng đi kèm với lợi nhuận tăng cao là cái giá phải trả bằng sinh mệnh của người dân bị đe dọa... do ô nhiễm môi trường từ tăng trưởng kinh tế. Để thực hiện được điều này, theo chúng tôi cần thực hiện đồng bộ những giải pháp cơ bản sau:

Thứ nhất, giáo dục tư tưởng và ý thức bảo vệ môi trường thông qua việc đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, giáo dục về môi trường nhằm huy động sức mạnh của cộng đồng trong bảo vệ môi trường.

Khi nhận thức của con người còn chưa đúng đắn về môi trường thì hành động bất chấp quy luật khách quan, biến “khai thác” thành “chiếm đoạt” tự nhiên sẽ gây những hậu quả khôn lường, điều này đe dọa đến sự tồn tại và phát triển của xã hội loài người. Từ đó, có thể khẳng định tình trạng thiếu hiểu biết về môi trường, về vai trò, ý nghĩa của môi trường đối với đời sống của con người và các biện pháp phòng chống ô nhiễm môi trường là một trong những nguyên nhân quan trọng gây tác động xấu đến môi trường và cũng là một trở ngại lớn trong việc tìm kiếm các giải pháp bảo vệ môi trường. Cho nên, muốn giải quyết tốt vấn đề môi trường trong phát triển kinh tế phải nâng cao nhận thức về tự nhiên, nâng cao ý thức sinh thái.

Thông qua hoạt động tuyên truyền, giáo dục về môi trường sẽ giúp con người có những hiểu biết về môi trường, từ đó, có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp làm thay

⁽¹¹⁾ Bộ Tài nguyên và Môi trường (2010), Báo cáo môi trường quốc gia năm 2010: Tổng quan môi trường Việt Nam, tr 133.

đổi thái độ, hành vi của con người đối với môi trường sống của mình. Từ nhận thức sẽ chuyển thành hành động tự nguyện tham gia vào các hoạt động bảo vệ môi trường từ đơn giản nhất đến phức tạp nhất. Đồng thời họ còn lôi cuốn những người khác cùng tham gia, tạo nên kết quả chung của toàn xã hội.

Cùng với tuyên truyền là giáo dục môi trường vì không chỉ giúp nâng cao nhận thức về sự quý giá của nguồn tài nguyên thiên nhiên và làm cho mọi công dân hiểu được phải có trách nhiệm bảo vệ, mà nó còn giúp cho con người có thêm cơ hội nghề nghiệp mới để cải thiện cuộc sống của mình, không phụ thuộc vào tài nguyên. Giáo dục còn bao hàm cả việc học tập cách thức sử dụng những công nghệ mới, nhằm tăng sản lượng kinh tế, tránh những thảm họa môi trường, xóa đói giảm nghèo, tận dụng những cơ hội và đưa ra những quyết định khôn khéo trong việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên.

Để hoạt động tuyên truyền, giáo dục môi trường đạt hiệu quả trong thời gian tới, thì cần đưa nội dung bảo vệ môi trường vào chương trình giáo dục của tất cả các bậc học trong hệ thống giáo dục quốc dân, cần bố trí chương trình dạy và học sao cho liên tục trong suốt quá trình học phổ thông của học sinh để có ý thức thường xuyên và dần trở thành tiềm thức về bảo vệ môi trường,...

Như vậy, giáo dục và tuyên truyền về bảo vệ môi trường là phương pháp có chi phí thấp nhất nhưng mang lại hiệu quả cao nhất, nếu làm tốt có thể biến ý thức bảo vệ môi trường thành một chuẩn mực đạo đức và trách nhiệm xã hội cho công dân.

Thứ hai, không ngừng hoàn thiện và phát triển hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường và nâng cao hiệu quả của việc thực thi luật pháp.

Trong nền kinh tế thị trường, con người vì mục đích lợi nhuận đã khai thác ô ạt tài nguyên thiên nhiên, gây ô nhiễm môi trường, bất chấp những quy định của pháp

luật. Một trong những nguyên nhân làm các chính sách, quy định của Nhà nước liên quan đến lĩnh vực bảo vệ môi trường chưa thực sự có hiệu quả là do hệ thống pháp luật chưa hoàn chỉnh, có nhiều kẽ hở để có thể “lách luật”. Cho nên, Nhà nước cần phải tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, ban hành những quy định mang tính cưỡng chế, tạo ra hành lang pháp lý cho hoạt động của con người.

Cũng như nhiều Luật khác, Luật Bảo vệ môi trường ở nước ta còn mang tính chung chung, ít được phổ biến và hiệu lực thực hiện còn thấp. Hầu hết Luật môi trường ở các nước phát triển quy định rất rõ đối với người vi phạm ngoài những chế tài xử phạt, người gây hậu quả môi trường còn phải “chịu trách nhiệm tái tạo môi trường như tình trạng trước khi có hành vi vi phạm”. Luật của ta cũng có điều khoản “khắc phục hậu quả”, nhưng khắc phục đến đâu và như thế nào thì lại không quy định cụ thể. Đã đến lúc cần phải xem xét, bổ sung và hoàn thiện toàn bộ Luật Bảo vệ môi trường, hoàn chỉnh hệ thống các tiêu chuẩn về môi trường và nâng các tiêu chuẩn này lên mức ngang với tiêu chuẩn của các nước công nghiệp mới.

Ngoài ra, cũng cần bổ sung, hoàn thiện các luật khác có liên quan đến môi trường như Luật cạnh tranh, Luật đầu tư và cả Bộ luật hình sự,... nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả đấu tranh, phòng chống, đẩy lùi các hành vi vi phạm môi trường, các loại tội phạm về môi trường. Đồng thời nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ chuyên trách làm công tác môi trường; trang bị các phương tiện kỹ thuật hiện đại để phục vụ có hiệu quả hoạt động của các lực lượng này.

Thứ ba, tăng cường sử dụng các công cụ, biện pháp kinh tế trong bảo vệ môi trường. Trong nền kinh tế thị trường, việc sử dụng các công cụ, biện pháp kinh tế để bảo vệ môi trường là một trong những biện pháp khả thi

nhất vì ở đó có sự kết hợp hợp lý giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường. Các công cụ kinh tế được hình thành dựa trên hai nguyên tắc cơ bản: “Người gây ô nhiễm phải trả tiền” và “áp dụng những công cụ chính sách nhằm thực hiện các chính sách môi trường”.

Trong các biện pháp kinh tế thì đánh thuế vào các hoạt động gây suy thoái môi trường là biện pháp hữu hiệu nhất để chống ô nhiễm và hạn chế suy thoái tài nguyên. Các biện pháp cấp bách có thể áp dụng là *cấm, hạn chế tối đa hoặc đánh thuế nặng* trong một khoảng thời gian nhất định đối với những mặt hàng xuất khẩu nguyên liệu thô, trước hết là gỗ và các khoáng sản quý. Từ đó, sẽ góp phần hạn chế tốc độ khai thác tài nguyên thiên nhiên. Đánh thuế vào các ngành công nghiệp sử dụng nhiên liệu hóa thạch như than, xăng, dầu sẽ có tác dụng làm giảm lượng khí thải và tăng thu cho Ngân sách nhà nước. Nhờ đó sẽ khuyến khích các doanh nghiệp chuyển sang sử dụng các nguồn năng lượng sạch như năng lượng mặt trời, năng lượng sinh khối.

Đồng thời, chuyển đổi từ thuế thu nhập sang thuế tiêu dùng. Xã hội càng phát triển thì nhu cầu tiêu dùng các loại hàng hóa xa xỉ đang có chiều hướng gia tăng, dẫn đến kích thích các hoạt động khai thác tài nguyên thiên nhiên. Cho nên, khi mức thuế tiêu dùng cao hơn, người dân sẽ hạn chế tiêu dùng, tăng tiết kiệm, và nếu như vốn tiết kiệm đó được sử dụng cho mục đích đầu tư thì tốc độ tăng trưởng sẽ được thúc đẩy. Mặt khác, chính các nguồn thu từ thuế môi trường sẽ được đầu tư trở lại cho những dự án bảo vệ môi trường. Hình thức này vừa có tác dụng ngăn chặn, vừa tạo được nguồn lực để khắc phục, cải thiện suy thoái môi trường.

Mặt khác, phải có chính sách đưa chi phí do làm cạn kiệt tài nguyên và chi phí do gây ô nhiễm môi trường vào giá thành và giá bán sản phẩm. Đồng thời, cũng cần củng cố quỹ môi trường các cấp cả về tổ chức,

quy mô vốn và quy chế hoạt động, để quỹ thực sự trở thành mắt khâu có vai trò ngày càng quan trọng trong thể chế bảo vệ môi trường và xóa đói giảm nghèo trên phạm vi toàn quốc.

Thứ tư, phát triển kinh tế theo hướng phát triển bền vững, gắn kết vấn đề môi trường vào quá trình lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội đất nước. Để thực hiện được mục tiêu phát triển bền vững, nhất thiết phải kết hợp chặt chẽ giữa môi trường sinh thái và quy trình phát triển, muốn vậy, phải luôn luôn nhìn thấy được mặt trái của quá trình phát triển đối với môi trường, phải kết hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các chính sách phát triển kinh tế với vấn đề bảo vệ môi trường. Nền kinh tế phát triển bền vững là một nền kinh tế ổn định, một nền kinh tế vẫn duy trì được những nguồn tài nguyên cơ bản bằng những thành tựu khoa học - công nghệ, bằng cách quản lý khôn ngoan của cả cộng đồng. Trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, cần lựa chọn những giải pháp thiết thực làm cho kinh tế, xã hội và môi trường phát triển hài hòa, thực sự coi môi trường là quốc sách cơ bản, cần có chương trình hành động về môi trường, sớm đưa bảo vệ môi trường thành một ngành kinh tế. Tiếp đó, cần có sự triển khai, thực hiện một cách cụ thể và khả thi, đồng thời xác định rõ trách nhiệm của các bộ, ngành, đơn vị liên quan và cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các ban ngành để quản lý hiệu quả. Bên cạnh đó, cần có sự kết hợp giữa khai thác tiềm năng và bảo vệ, giữ gìn môi trường sinh thái, bảo đảm phát triển bền vững.

Cần phải áp dụng những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến trong sản xuất (sản xuất sạch). Là nước phát triển sau, chúng ta có thể chọn lọc các công nghệ hiện đại - công nghệ có hàm lượng chất xám cao và công nghệ sạch. Sạch trong quá trình sản xuất và sạch ngay trong chính quá trình xử lý chất thải khi thải vào môi trường, đó là

phương thức hữu hiệu nhất để kết hợp các mục tiêu kinh tế và mục tiêu sinh thái.

Thứ năm, đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường. Để xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường đạt kết quả tốt, trước hết, cần mở rộng các hoạt động kinh doanh dịch vụ bảo vệ môi trường. Tiếp đó, cần cổ phần hóa những doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp của nhà nước đang và sẽ tham gia các hoạt động này. Cuối cùng, các chủ trương, chính sách về xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường nhất thiết phải được thể chế hóa bằng các quy định, quy phạm pháp luật cụ thể và có hiệu lực, đi kèm với đó là các chế tài nghiêm khắc đối với mọi hành vi vi phạm từ các phía có liên quan.

Để thúc đẩy xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường, cần đặc biệt coi trọng việc giảm thiểu các nghĩa vụ tài chính như thuế, phí và các chi phí tham gia thị trường của doanh nghiệp tham gia xã hội hóa; mở rộng quyền thu và phạt tài chính của doanh nghiệp gắn với chất lượng dịch vụ môi trường do họ cung cấp; áp dụng rộng rãi và nghiêm túc hình thức đấu thầu công khai và bình đẳng việc cung cấp các dịch vụ môi trường theo đơn đặt hàng ổn định có thời hạn của Nhà nước cũng như đảm bảo cho doanh nghiệp được tiếp cận với những điều kiện kinh doanh khác như mặt bằng, địa điểm, kết cấu hạ tầng,...

Thứ sáu, lồng ghép việc giải quyết vấn đề môi trường với công tác xóa đói, giảm nghèo, gắn kết lợi ích của công tác bảo vệ môi trường với lợi ích và hoạt động kiếm sống hàng ngày của người dân, nhất là dân nghèo và thực hiện kế hoạch hóa gia đình.

Vì áp lực mưu sinh mà người ta phải khai thác tài nguyên một cách bừa bãi như chặt phá rừng, buôn bán trái phép các loại động thực vật quý hiếm hay dùng mọi cách để khai thác nhanh nhất ruộng đất của mình và tài nguyên sẵn có. Hậu quả gây cạn kiệt tài nguyên nhanh chóng, gây ô nhiễm môi trường, các điều kiện vệ sinh môi trường xấu đi. Từ đó, môi trường lại tác động trở

lại, làm cho cuộc sống của con người ngày càng nghèo đói hơn. Cho nên “nghèo khổ là tác nhân tàn phá môi trường nhưng cũng là hậu quả của chính sự tàn phá môi trường”- Đây là một cái vòng luẩn quẩn không có lối thoát. Cần gắn liền việc bảo vệ môi trường với các hoạt động sản xuất kinh doanh và công tác xóa đói, giảm nghèo. Như phát triển, mở rộng mô hình kinh tế vườn – ao – chuồng, vườn – ao – chuồng – rừng,... Đồng thời, phải có những biện pháp nhằm hạn chế thấp nhất mặt trái của nền kinh tế thị trường làm gia tăng đói nghèo dẫn đến buộc người dân vi phạm do những bức bách của nhu cầu mưu sinh.

Thứ bảy, tăng cường đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường.

Khi nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng khá, nhận thức của xã hội đối với vấn đề bảo vệ môi trường tăng lên. Đây là điều kiện vật chất để nước ta xem xét đề xuất tăng mức chi sự nghiệp môi trường lên mức trên 2% tổng chi ngân sách hằng năm nhằm giải quyết các vấn đề môi trường bức bách. Điều này phù hợp với chủ trương của Bộ chính trị đưa ra trong nghị quyết 41- NQ/TW “*đạt mức chi không dưới 1% tổng chi ngân sách nhà nước và tăng dần tỷ lệ này theo tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế*”, phù hợp với xu hướng chung của thế giới. Ngoài ra, cần xây dựng các cơ chế, chính sách huy động các nguồn vốn khác cho hoạt động bảo vệ môi trường như: vốn từ xã hội, vốn ODA và các nguồn khác như kinh phí từ việc cấp phép và phí sử dụng tài nguyên.

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của Việt Nam hiện nay, thì việc thực hiện đồng bộ các giải pháp cơ bản nêu trên có ý nghĩa hết sức quan trọng nhằm thực hiện mục tiêu phát triển bền vững, gắn kết hợp lý giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường./.